TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2023
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoanh và ông Phan Văn Đạt.
- Thư ký phiên tòa: Ông Mạc Văn Hinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/HPT-QĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1985
Địa chỉ: khu phố 2, Phường 1, thị xã T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trần Quang T**, sinh năm 1986
Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắc như sau:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Trần Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 12 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông T không lo làm ăn, chơi bời lâm vào tệ nạn cờ bạc, khi bà N góp ý xây dựng ông T không nghe mà còn dùng bạo lực đánh đập bà N. Do không chịu đựng nỗi nên bà N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột (ở khu phố 2, Phường 1, thị xã T, tỉnh Quảng Trị) để sinh sống và vợ chồng ly thân hơn 02 năm nay.

Xét thấy mâu thuẫn xảy ra vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm cũng không còn nên bà N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quang T.

2. Về con chung: Bà N khai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại hồ sơ vụ án thể hiện*: Ông Trần Quang T có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và Tòa án nhân dân huyện Đ đã tống đạt trực tiếp

Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T ký nhận để thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật, nhưng ông T không hợp tác, cố tình trốn tránh không làm việc với Tòa. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng đối với ông T theo quy định pháp luật bao gồm: Thông báo việc công khai chứng cứ, Thông báo về các phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Trần Quang T, trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông T.

- Về quan hệ con chung: Bà N khai vợ chồng không có con chung nên không đề cập

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh N là nguyên đơn trong vụ án do ở xa, bận công việc nên không thể trực tiếp đến Tòa án tham gia giải quyết, xét xử theo yêu cầu của Tòa án, bà N có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ông Trần Quang T là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông T cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tuyến là đúng với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Trần Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo Trích lục kết hôn số 83/2011 ngày 14 tháng 12 năm 2011. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là ông T không lo làm ăn, chơi bời lâm vào tệ nạn cờ bạc, khi bà N góp ý xây dựng ông T vẫn không nghe mà còn dùng bạo lực đánh đập bà N. Qua xác minh tại địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T xảy ra, bà N đã bỏ về quê ở tỉnh Quảng Trị sinh sống, thực tế giữa bà N và ông T đã ly thân không còn chung sống với nhau hơn 02 năm nay và ông T cũng không đến Toà án để hoà giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N khai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh N.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với ông Trần Quang T.

2. Về con chung: (Không có con chung nên không yêu cầu giải quyết).

3. Về tài sản chung và nợ chung: (Không yêu cầu giải quyết).

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu 0003958 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà N đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Quang T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái